

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt Nam và ban hành hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm vùng ven biển Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt Nam và ban hành hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm vùng ven biển Việt Nam, như sau:

1. Sửa đổi Mục I Chương I như sau:

“I. Mục đích của hướng dẫn kỹ thuật

Hướng dẫn kỹ thuật này áp dụng để thực hiện việc:

1. *Xác định trên bản đồ và ngoài thực địa của vùng ven biển và hải đảo Việt Nam đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm.*

2. *Xác định đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý ven bờ và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo trên nền bản đồ địa hình đáy biển.”*

2. Bổ sung tiêu mục 5 và tiêu mục 6 trong Mục II Chương I như sau:

“5. *Đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý là đường cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách tương ứng 03 hải lý.*

6. *Đường ranh giới ngoài của vùng biển 06 hải lý là đường cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách tương ứng 06 hải lý.”*

3. Sửa đổi tiêu mục 1 của Mục IV Chương I như sau:

“1. *Các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển và các đảo của Việt Nam bao gồm các điểm có giá trị mực nước biển trung bình nhiều năm, mực nước triều cao nhất trung bình nhiều năm và mực nước triều thấp nhất trung bình nhiều năm do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố. Dữ liệu này là cơ sở cho việc xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên bản đồ và ngoài thực địa.”*

4. Sửa đổi nội dung Mục V Chương I như sau:

“*Trong phạm vi Hướng dẫn kỹ thuật này để bảo đảm kết quả tính toán được chính xác, bờ biển có 4 kiểu chính, cụ thể:*

TT	Kiểu bờ biển	Đặc điểm
1	Đoạn bờ biển thẳng	Bờ biển có độ cong không vượt quá 10°
2	Đoạn bờ biển uốn lượn	Bờ biển có độ cong vượt quá 10°
3	Đoạn bờ biển là đê biển, kè biển	Bờ biển được hình thành do xây dựng các công trình đê, kè biển
4	Đoạn bờ biển là vách núi	Bờ biển được cấu tạo bởi vách núi

5. Sửa đổi nội dung “Cập nhật trên nền hải đồ điện tử” trong sơ đồ quy trình tại Mục I Chương II thành “Cập nhật trên nền bản đồ địa hình đáy biển.”

6. Sửa đổi tiêu đề Mục IV Chương II như sau:

“Quy trình xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên bản đồ”

7. Bổ sung tiết 2.3 và 2.4 vào tiêu mục 2 Mục IV Chương II như sau:

“2.3. Đoạn bờ biển là đê biển, kè biển

a) Đối với đoạn bờ biển là đê biển, kè biển có cao độ tại chân các công trình về phía biển cao hơn mực nước triều thấp nhất trung bình nhiều năm thì xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo tiết 2.1 và 2.2 tiêu mục này;

b) Đối với đoạn bờ biển là đê biển, kè biển có cao độ tại chân các công trình phía biển thấp hơn mực nước triều thấp nhất trung bình nhiều năm thì đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được xác định là vị trí chân của các công trình.

2.4. Đoạn bờ biển là vách núi

a) Đối với đoạn bờ biển là vách núi có độ dốc nhỏ hơn hoặc bằng 45° ($\leq 45^{\circ}$) thì đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm thực hiện theo điểm 2.1 và 2.2 tiêu mục này;

b) Đối với đoạn bờ biển là vách núi có độ dốc lớn hơn 45° thì đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được xác định tại vị trí sườn núi tiếp xúc với mực nước biển.”

8. Bổ sung tiêu mục 4 Mục IV Chương II như sau:

“4. Khép kín đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm bị gián đoạn tại các cửa sông, cửa đầm, phá,

Đối với các đoạn bờ biển, sau khi đã xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm bị gián đoạn bởi các cửa sông, cửa đầm, phá. Việc khép kín đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được thực hiện như sau: xác định vị trí điểm cuối và điểm đầu của hai đoạn gián đoạn liên tiếp, thực hiện nối hai điểm đã xác định nêu trên để tạo ra đường liên tục.”

9. Chuyển tiêu mục 4 Mục IV Chương II thành tiêu mục 5 và sửa lại như sau:

“5. Thể hiện đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trên nền bản đồ địa hình đáy biển.

a) Xuất các giá trị tọa độ của đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm về dạng “text” bao gồm vị trí đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, giá trị mực nước triều thấp nhất trung bình trong nhiều năm;

b) Tạo lớp thông tin với đối tượng là đường để thể hiện đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và thể hiện trên nền bản đồ địa hình đáy biển bằng một lớp thông tin mới;

c) Tạo lớp thông tin với đối tượng là điểm để thể hiện giá trị mực nước triều thấp nhất trung bình nhiều năm trên từng đoạn đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và hiển thị trên nền bản đồ địa hình đáy biển bằng một lớp thông tin mới.

10. Bổ sung tiểu mục 6 Mục IV Chương II như sau:

“6. Rà soát, chỉnh lý đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đoạn đường bờ biển:

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đoạn đường bờ biển được rà soát, chỉnh lý khi có sự thay đổi hiện trạng đường bờ biển, địa hình làm thay đổi đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đã được công bố. Trong trường hợp này, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được xác định, chỉnh lý theo hiện trạng đường bờ biển và địa hình tại thời điểm rà soát, chỉnh lý.”

11. Sửa đổi Bước 6 Mục II Chương III như sau:

“Hiệu chỉnh lại vị trí vừa xác định trên nền bản đồ địa hình đáy biển.”

12. Bổ sung Chương IV như sau:

“Chương IV. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG RANH GIỚI NGOÀI VÙNG BIỂN 03 HẢI LÝ VÀ VÙNG BIỂN 06 HẢI LÝ

I. Nguyên tắc xác định đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý và vùng biển 06 hải lý

1. Đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý được xác định bởi quỹ tích của tâm đường tròn có bán kính bằng 03 hải lý tiếp xúc phía ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm về phía biển.

2. Đường ranh giới ngoài vùng biển 06 hải lý được xác định bởi quỹ tích của tâm đường tròn có bán kính bằng 06 hải lý tiếp xúc phía ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm về phía biển.

3. Việc xác định đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý và vùng biển 06 hải lý được thực hiện bằng các phần mềm chuyên dụng được quy định tại Mục III Chương I.

II. Các bước xác định đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý

1. Bước 1. Thiết lập đường tròn có bán kính bằng 03 hải lý.

2. Bước 2. Dịch chuyển đường tròn tiếp xúc với điểm đầu đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm tại đoạn bờ biển cần xác định sao cho đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm là tiếp tuyến của đường tròn.

3. Bước 3. Xác định điểm tiếp xúc giữa đường tròn với đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và vị trí tâm đường tròn tương ứng rồi đánh dấu hai vị trí đó lại.

4. Bước 4. Dịch chuyển đường tròn trên đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm để xác định các vị trí tiếp theo thực hiện lặp lại các Bước 2, Bước 3 nêu trên.

5. Bước 5. Nối vị trí các điểm đánh dấu là tâm đường tròn đã xác định. Đây là đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý được tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm.

III. Các bước xác định đường ranh giới ngoài vùng biển 06 hải lý

1. Bước 1. Thiết lập đường tròn có bán kính bằng 06 hải lý.

2. Đối với các bước tiếp theo được thực hiện tương tự như quy định theo Bước 2, Bước 3, Bước 4 và Bước 5 tại mục 2 nêu trên.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển;
- Lưu: VT, TCBHĐVN, PC, ĐDBĐVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân